TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2023/DS-ST
Ngày: 03-8-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T

Địa chỉ trụ sở: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Bảo Ngọc, theo giấy ủy quyền số 1081/2023/UQ-TGĐ ngày 26/4/2023 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Bà H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T do ông Phan Bảo Ngọc đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/7/2016, ông Nguyễn Văn S ký với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T (sau đây ghi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản phát hành và sử dụng thẻ). Căn cứ thu nhập của ông S, Ngân hàng đã cấp cho ông S thẻ tín dụng số thẻ 356481-3604 với hạn mức tín dụng là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Hai bên thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông S đã sử dụng các giao dịch với tổng số tiền 1.144.999.000đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 1.128.154.423đồng (số tiền ông S trả được hoạch toán vào phí, lãi và nợ gốc). Số nợ còn lại là 49.252.475đồng ông S không thanh toán cho Ngân hàng, nhiều lần Ngân hàng nhắc nhưng ông S không thực hiện. Do ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 01/4/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ là 49.252.475 đồng sang nợ quá hạn.

Ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mà hai bên đã ký, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu ông S trả nợ nhưng ông S không thực hiện. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu cá nhân ông S trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 03/8/2023 là 127.366.635 đồng. Trong đó nợ gốc là 49.252.475 đồng, nợ lãi là 78.114.160 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/8/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S mặc dù đã được triệu tập nhưng suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn S có ký với Ngân hàng giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 15/7/2016, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 50.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông S đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S phải thanh toán số tiền vay còn nợ phát sinh từ việc sử

dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 03/8/2023 là 127.366.635 đồng. Trong đó nợ gốc là 49.252.475 đồng, nợ lãi là 78.114.160 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/8/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đương sự, của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T khởi kiện ông Nguyễn Văn S yêu cầu thanh toán tiền nợ từ việc sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Nguyễn Văn S có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ 153/38 Bà Hom, Phường 13, Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo đơn khởi kiện thì bị đơn ông Nguyễn Văn S có địa chỉ tại 153/38 Bà Hom, Phường 13, Quận 6. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được do ông S không còn cư trú tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp. Tại kết quả xác minh tình trạng cư trú của Công an Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thì "*ông Nguyễn Văn S có đăng ký thường trú tại 153/38 Bà Hom, Phường 13, Quận 6 nhưng không thực tế cư trú tại địa phương*". Xét thấy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S trả tiền nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/7/2016, trong hợp đồng ông S cung cấp địa chỉ tại số 153/38 Bà Hom, Phường 13, Quận 6. Như vậy, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của ông S trong giao dịch nhưng ông S thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Triệu tập bị đơn ông Nguyễn Văn S theo đúng qui định, nhưng suốt quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa ông S vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Bảo Ngọc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và

khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 15/7/2016 và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đại diện Ngân hàng đủ cơ sở xác định ngày 15/7/2016 ông Nguyễn Văn S và Ngân hàng đã xác lập hợp đồng vay tài sản bằng hình thức sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 356481-3604 với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân.

[2.2]. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 1.144.999.000đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 1.128.154.423đồng. Trong quá trình trả nợ, ông S nhiều lần thanh toán trễ hạn. Ngày 01/4/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông S và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thanh toán số tiền nợ. Lẽ ra, sau khi ông S thực hiện các giao dịch vay tiền thì phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại Điều 18, 19, 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Nhưng đến nay chưa thanh toán là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Văn S thanh toán tiền nợ từ việc sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 03/8/2023 là 127.366.635 đồng. Trong đó nợ gốc là 49.252.475 đồng, nợ lãi là 78.114.160 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/8/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ là có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn S phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nêu trên một lần ngay kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, ông Nguyễn Văn S còn phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 15/7/2016 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tính từ ngày 04/8/2023 đến khi trả hết nợ.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S phải trả cho Ngân hàng số tiền 127.366.635 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.368.332 đồng

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.790.394 đồng theo biên lai thu tiền số 0012886 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 278, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T:

Buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tính đến ngày 03/8/2023 là 127.366.635 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 49.252.475 đồng, nợ lãi là 78.114.160 đồng, trả một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày 04/8/2023, ông Nguyễn Văn S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa

án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.368.332 đồng (sáu triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí là 2.790.394 đồng (hai triệu, bảy trăm chín mươi nghìn, ba trăm chín mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012886 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T, ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận 6
- Chi cục THADS Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thụy Bích Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**